

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU QUẢ CỦA VIỆC SỬ DỤNG CÔNG CỤ PADLET TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ TRỰC TUYẾN TRẦN NGỌC ĐỨC* - LÊ THỊ HƯƠNG GIANG** - LÊ THỊ HƯƠNG THẢO***

TÓM TẮT: Công nghệ thông tin được đánh giá là một công cụ quan trọng của giáo dục, công nghệ không chỉ có nguồn tài nguyên thông tin đa dạng, mà còn giúp nâng cao năng lực con người và mở rộng môi trường xã hội hỗ trợ hoạt động học tập. Việc ứng dụng Công nghệ thông tin có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến giúp giờ học trở nên sống động hơn với hình ảnh và âm thanh, giúp người dạy và người học có thể tương tác tích cực với nhau dù ở các vị trí địa lý cách xa nhau. Trong rất nhiều các công cụ hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến, Padlet được coi là công cụ có nhiều tính năng ưu việt và thân thiện với người sử dụng, và hiện nay được sử dụng rộng rãi phổ biến. Bài báo tập trung vào việc đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng công cụ Padlet trong việc giảng dạy tiếng Anh trực tuyến cho sinh viên không chuyên tại một trường đại học công lập Hà Nội và đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng Công nghệ thông tin vào giảng dạy ngoại ngữ.

TỪ KHÓA: Công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; công cụ Padlet; tính hiệu quả.

NHẬN BÀI: 29/12/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 7/4/2022

1. Đặt vấn đề

Công nghệ thông tin (CNTT) đã trở thành một công cụ quan trọng của giáo dục, công nghệ không chỉ có nguồn tài nguyên thông tin đa dạng, mà còn giúp nâng cao năng lực con người và mở rộng môi trường xã hội hỗ trợ hoạt động học tập. Lịch sử phát triển của công nghệ và lý thuyết học tập phản ánh sự tiến hóa từ học tập cá nhân sang học tập cộng đồng, từ học tập theo hướng nội dung sang phương pháp tiếp cận theo quy trình, từ phương tiện riêng biệt sang sử dụng tích hợp, từ phương tiện trình chiếu sang phương tiện tương tác, từ việc học tập phụ thuộc vào địa điểm và thời gian hướng tới việc học tập phổ thông và từ các công cụ cố định sang thiết bị cầm tay. Với sự phát triển mạnh mẽ mang tính đột phá của CNTT, quá trình học tập nói chung và học ngoại ngữ nói riêng đã và đang được cải thiện mạnh mẽ và ngày càng phát triển hơn nữa. Có thể kể đến như thiết kế giảng dạy sẽ phát triển hoàn thiện hơn và khoa học hơn, việc thực hành công nghệ trong quá trình giảng dạy sẽ thúc đẩy mang lại tính hiệu quả cao trong quá trình học tập. Việc ứng dụng CNTT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến giúp giờ học trở nên sống động hơn với hình ảnh và âm thanh có chất lượng cao.

Ứng dụng CNTT vào tiến trình giảng dạy và học tập nói chung và đào tạo ngoại ngữ nói riêng đã phát triển sâu rộng ở các nước trong khu vực và thế giới. Trong bối cảnh giáo dục của những năm 2020-2021, khi tình hình dịch bệnh còn kéo dài, mối quan tâm của các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục không còn là có nên giới thiệu và ứng dụng CNTT vào quá trình đào tạo hay không, mà là làm thế nào để nâng cao hiệu quả học tập của người học thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của CNTT. Điều này chứng minh một thực tế là hành trình đưa các ứng dụng của công nghệ vào lớp học là xu thế mới và không thể phủ nhận. Thêm vào đó, việc giúp người học tiếp cận và làm quen với các phương tiện hỗ trợ học tập này là một hoạt động quan trọng giúp họ chuẩn bị hành trang để hòa nhập vào thị trường lao động hiện đại, đổi mới và là nơi CNTT được sử dụng rộng rãi phổ biến, len lỏi vào công việc, cuộc sống của họ.

* TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hauitrannngocduc@gmail.com

** Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: gianglth@hau.edu.vn

*** Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: thaolth@hau.edu.vn

Trong rất nhiều các công cụ hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến như Wordwall, Ideazboard, Classkick, Azota, Nearpod, v.v, Padlet được coi là công cụ có nhiều tính năng ưu việt và thân thiện với người sử dụng, và hiện nay được sử dụng rộng rãi phổ biến. Bài báo tập trung vào việc đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng công cụ Padlet trong việc giảng dạy tiếng Anh trực tuyến cho sinh viên không chuyên tại một trường đại học công lập Hà Nội.

2. Các khái niệm

2.1. Công nghệ giáo dục (Educational technology)

Theo Huang, R., Spector, J. M., & Yang, J. (2019), CNTT là việc áp dụng có tính thực tế, có chủ đích, và là việc sử dụng một cách phổ biến các thiết bị cụ thể như điện thoại thông minh, máy tính bảng, bảng tương tác, v.v. Công nghệ giáo dục là việc sử dụng và ứng dụng các tri thức thông qua công nghệ, phương tiện truyền thông, quy trình và các nguồn công nghệ để hỗ trợ các hoạt động học tập, giảng dạy và hoạt động biểu diễn [Januszewski & Molenda, 2008]. Theo hiệp hội Công nghệ và truyền thông giáo dục, công nghệ giáo dục là “việc nghiên cứu và thực hành đạo đức để tạo điều kiện học tập và cải thiện kết quả bằng cách tạo ra, sử dụng và quản lí các quy trình và nguồn lực công nghệ thích hợp” [Januszewski, A., & Molenda, M., 2008]. Hiểu theo cách đơn giản, có thể nói rằng công nghệ giáo dục liên quan đến việc sử dụng công nghệ một cách hợp lí và hiệu quả để hỗ trợ hoặc tạo điều kiện cho việc học tập, giảng dạy. Có thể tóm tắt miêu tả chi tiết nội dung của giáo dục công nghệ trong bảng sau:

Giáo dục	Công nghệ	Nguồn lực và quy trình
Nhằm mục đích phát triển kiến thức và kĩ năng cơ bản, lao động có năng suất, giải quyết vấn đề hiệu quả, năng lực phân biện/ phản ánh và khả năng học tập suốt đời.	Là việc sử dụng tài nguyên có chủ đích và hiệu quả và là quy trình để hỗ trợ học tập, hiệu suất và hướng dẫn - có thể hiểu theo cách rộng là bao gồm giáo dục.	Bao gồm các công cụ và kĩ thuật cũng như các thiết bị, đồ tạo tác, môi trường học tập và các quá trình liên quan đến thiết kế, phát triển, triển khai, và đánh giá.

2.2. Giáo dục kĩ thuật số

Giáo dục kĩ thuật số là phương thức học tập và làm việc mới với CNTT, tạo thuận lợi cho các trải nghiệm học tập chất lượng đối với người học “kĩ thuật số” của thế kỉ 21 [Long, N.V., 2016]. Giáo dục kĩ thuật số là sự hội tụ các kĩ năng công nghệ, các hoạt động sự phạm và sự hiểu biết về thiết kế chương trình giảng dạy phù hợp với người học kĩ thuật số. Nó chuyển sự tập trung từ các công cụ và các kĩ năng CNTT sang một phương thức làm việc mới trong thế giới kĩ thuật số. Khi được sử dụng hiệu quả, giáo dục kĩ thuật số giúp: (1) Hỗ trợ, cho phép và chuyên hóa việc học tập và giảng dạy để cung cấp các cơ hội học tập dồi dào, đa dạng và linh động cho một thể hệ kĩ thuật số; (2) Cung cấp cơ sở để người học chủ động tham gia vào việc xây dựng và ứng dụng việc học tập phong phú theo nhiều cách có mục đích và ý nghĩa; (3) Tăng cường cơ hội cho việc đánh giá xác thực được đặt trong ngữ cảnh phù hợp hỗ trợ việc học tập trong một bối cảnh kĩ thuật số [Long, N. V., 2016].

2.3. Dạy, học trực tuyến và phương pháp học

Feldman và Zucker (2002) định nghĩa việc dạy và học trực tuyến là một cách thức truyền tải kiến thức mới do giảng viên thực hiện qua Internet. Họ phân chia hướng dẫn trực tuyến bao gồm thời gian học thực (hay gọi là học tập đồng bộ) và học trực tuyến diễn ra mọi lúc, mọi nơi (hay gọi là học tập không đồng bộ). Hai quá trình này diễn ra song song trong môi trường trực tuyến. Học đồng bộ được định nghĩa là hướng dẫn và cộng tác trong "thời gian thực" thông qua Internet và thường liên quan đến các công cụ như trò chuyện trực tiếp, bảng trắng chia sẻ, âm thanh và video dữ liệu của buổi học tập và chia sẻ ứng dụng, "giờ tay" ảo, cùng xem trình chiếu đa phương tiện và trình chiếu trực tuyến.

Phương pháp học tập không đồng bộ mặt khác sử dụng khả năng trì hoãn thời gian [Edward, Y., 2007]. Bên cạnh đó, theo Covey (1990), có thể hiểu thuật ngữ này là “tự quản lý thời gian cá nhân” theo thói quen, quy tắc hoặc những gợi ý để sử dụng thời gian cá nhân một cách hiệu quả và hoàn thành công việc trong thời gian cho phép một cách linh hoạt [Covey, S. R., 2013]. Phương pháp này thường liên quan đến các công cụ như thư điện tử, thảo luận theo chuỗi, tệp đính kèm, nhóm tin và bảng thông báo. Người học trở thành những người học năng động, có phản xạ và tính tương tác hơn. Đồng thời, người học và người dạy cùng tham gia vào quá trình học tập thông qua việc sử dụng công nghệ và việc học dần trở nên quen thuộc hơn với công nghệ bằng cách sử dụng nó hàng ngày. Mỗi giáo viên (GV) tùy theo môn học, chủ đề giảng dạy của mình có thể cung cấp một môi trường học tập trực tuyến và chương trình tài liệu giảng dạy. Do đó, cần đảm bảo rằng việc học trực tuyến được triển khai thực hiện bởi các GV có đầy đủ trình độ và có đam mê với việc giảng dạy trực tuyến trên nền tảng web. Điều này sẽ tạo ra mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo dục trực tuyến và các giá trị của giáo dục truyền thống.

3. Các đường hướng ứng dụng CNTT vào giảng dạy

Từ những năm 1920 đến những năm 1960, chủ nghĩa hành vi xuất hiện và là chủ nghĩa phổ biến vào thời điểm đó. Theo đường hướng này thì công nghệ đã được áp dụng trong quá trình dạy học, chẳng hạn như sử dụng máy dạy học tự động, thẻ học, v.v. Năm 1924, nhà tâm lý học Sidney L. Pressey đã thiết kế chiếc máy dạy học đầu tiên, phù hợp cho việc học thuộc lòng và học theo kiểu học sâu. Chiếc máy này chủ yếu được sử dụng để kiểm tra tự động kết quả bài làm của người học, đồng thời cũng bao gồm nguyên tắc cho phép người học tự thiết lập tốc độ, đưa ra các phản ứng tích cực và phản hồi kịp thời. Máy dạy học tự động bao gồm hai chế độ hoạt động: đồ vui và học. Máy dạy học giúp người học không chỉ nghe, xem hoặc đọc một cách thụ động mà còn chủ động phản hồi. Ngoài ra, người học có thể tìm hiểu xem câu trả lời của mình có đúng hay không và có thể lưu lại nhằm giúp cải thiện quá trình học tập. PLATO là hệ thống hỗ trợ tổng quát đầu tiên với sự hỗ trợ của máy tính xuất hiện vào những năm 1960 tại Đại học Illinois. Hệ thống này đã phát triển nhiều công cụ để hỗ trợ thiết kế, phát triển và triển khai môi trường học tập. Nhiều khái niệm hiện đại trong máy tính đa người dùng đã được phát triển trong hệ thống PLATO, bao gồm diễn đàn, bảng tin, kiểm tra trực tuyến, thư điện tử, phòng trò chuyện, ngôn ngữ hình ảnh, nhắn tin nhanh, chia sẻ màn hình từ xa và trò chơi cho nhiều người chơi. Vào những năm 1970, ngôn ngữ lập trình Logo được giới thiệu để hỗ trợ nhiều hoạt động hướng dẫn, và nhiều người cho rằng ngôn ngữ này sẽ cách mạng hóa việc dạy và học trong trường học, dẫn theo Spector, 2016 [Spector, J. M., Ifenthaler, D., Sampson, D., Yang, J. L., Mukama, E., Warusavitarana, A.,... & Gibson, D. C., 2016]. Năm 1980, Seymour Papert giới thiệu Logo, đây là ngôn ngữ đầu tiên được thiết kế đặc biệt để cho phép người học được học bằng hình thức khám phá. Từ những năm 1980, chủ nghĩa kiến tạo xuất hiện với đa phương tiện tương tác, Internet và các công nghệ hiện đại khác được ứng dụng trong giảng dạy và học tập. Trong môi trường học tập được hỗ trợ bởi công nghệ, người học có thể tích cực xây dựng kiến thức của mình thông qua tương tác với môi trường và thông qua việc tổ chức lại cấu trúc tinh thần của họ. Với sự phát triển mạnh mẽ của CNTT, các khóa học trực tuyến mở, mạng xã hội, điện toán đám mây, v.v. được ứng dụng rộng rãi trong việc dạy và học. Mối liên hệ giữa con người với con người, con người và tri thức, tri thức và tri thức chuyển từ lý tưởng thành hiện thực. Theo Lewin, 2013, các khóa học trực tuyến mở được sử dụng trong giáo dục từ xa, lần đầu tiên được giới thiệu vào năm 2006 và trở thành như một phương thức học tập phổ biến vào năm 2012 [Lewin, K., 2013]. Đây là một khóa học trực tuyến nhằm mục đích tham gia không giới hạn và truy cập mở qua các trang web (Kaplan & Haenlein, 2016) [Kaplan, A. M., & Haenlein, M., 2016]. Phân tích quá trình học tập là việc sử dụng dữ liệu thông minh, dữ liệu do người học tạo ra và các mô hình phân tích để xác định thông tin và các kết nối xã hội nhằm dự đoán và tư vấn cho việc học của người học [Siemens, 2010].

4. Vai trò của ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ, giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến

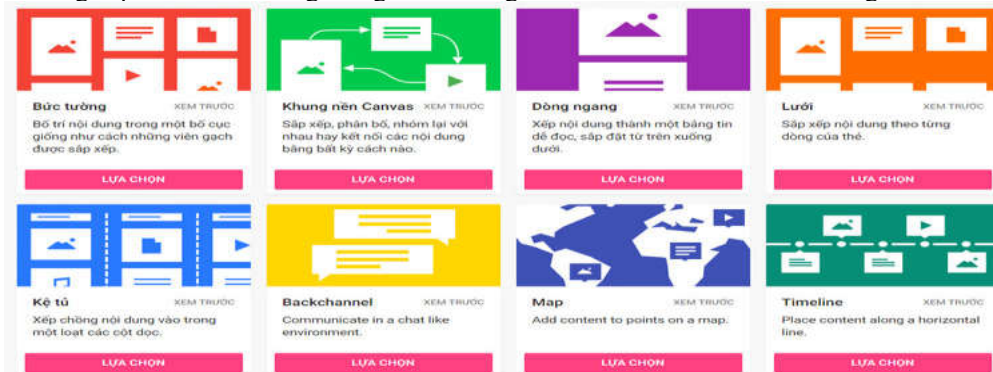
Trong thời kì công nghệ 4.0 như hiện nay, việc ứng dụng CNTT trong học và dạy ngoại ngữ là một xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại. Cùng với sự phát triển của khoa học-kỹ thuật, nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học ra đời, giúp GV có thể định hướng người học tiếp cận với nguồn tri thức phong phú, dễ hiểu nhất. Việc giảng dạy ngoại ngữ cũng đã có nhiều thay đổi trong cách dạy và học giúp tăng tính tương tác giữa GV và người học - đây là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên tính hiệu quả của giờ học ngoại ngữ. Edward (2007) tin rằng các ứng dụng rộng rãi của điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay, và máy tính vào mục đích học tập ngoại là điều không thể phủ nhận. Ông cho rằng: (1) Học qua các thiết bị di động giúp người học được công nhận tài năng của mình; (2) Học tập trên thiết bị di động có tính hiệu quả cho cả hoạt động học tập độc lập và học tập theo nhóm; (3) Người học có thể xác định điểm yếu hoặc điểm mạnh của mình thông qua việc học trên thiết bị di động; (4) Thông qua phương pháp học này, khoảng cách giữa ứng dụng CNTT và hiểu biết về thiết bị di động có thể được thu hẹp; (5) Người học được trải nghiệm việc học trong môi trường không chính thức này, điều này có thể mang lại sự hài lòng cho họ vì được trải nghiệm cách học tập mới; (6) Người học có nhiều thời gian hơn để tập trung vào việc học trải nghiệm thông qua việc học trên thiết bị di động; (7) Học tập trên thiết bị di động giúp nâng cao sự tự tin và tính tự tôn [Edward, Y. 2007]].

Một trong những ứng dụng hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ đang được đề cập nhiều hiện nay, đó là các lớp học tương tác (Interactive Classroom) như bảng tương tác, phần mềm thiết kế bài giảng tương tác, tích hợp sẵn các công cụ giảng dạy, công cụ đánh giá hiệu quả dạy học và thư viện đa phương tiện,... Với sự hỗ trợ của phần mềm và các thiết bị di động, GV có thể tự nâng cao chất lượng chuyên môn, rút ngắn thời gian thiết kế bài giảng, nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy thông qua việc xây dựng nhiều hoạt động tương tác với người học cũng như các hoạt động hỗ trợ và kiểm soát người học tốt hơn, tối ưu hóa khả năng của từng người học. Đồng thời, giúp người học tự tin, chủ động, mạnh dạn và tích cực tham gia vào các hoạt động giảng dạy của GV. Đây là phương pháp giáo dục hiện đại “lấy người học làm trung tâm, thỏa mãn nhu cầu học và tối ưu hóa từng cá thể người học”, qua đó đạt mục tiêu học tốt môn ngoại ngữ, phát triển đồng thời các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết.

5. Padlet và ứng dụng công cụ Padlet vào việc dạy học ngoại ngữ trực tuyến

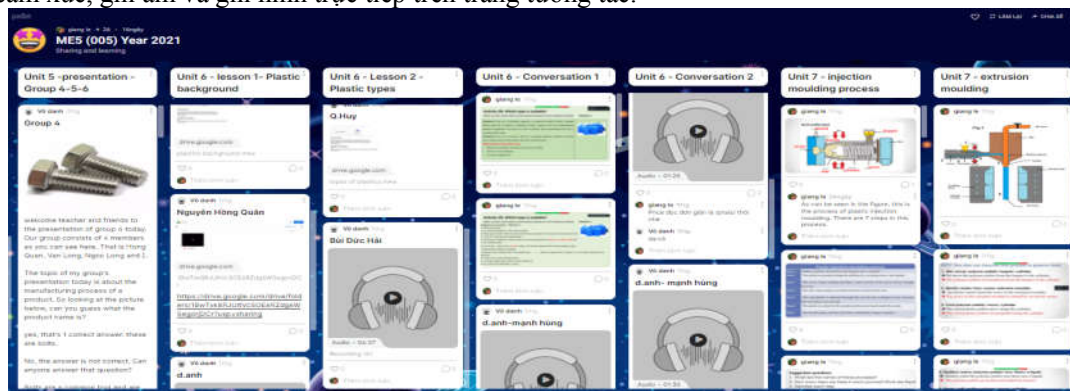
Padlet là một bức tường ảo cho phép người dùng bày tỏ suy nghĩ về một chủ đề nào đó một cách dễ dàng. Đồng thời đây là một trong những trang mạng cho phép người sử dụng cộng tác với người dùng khác bằng văn bản, hình ảnh, liên kết với các nội dung khác và được sử dụng như một bản tin riêng, khuyến khích phát triển tính sáng tạo của con người. Do đó, Padlet còn là một công cụ rất hữu ích trong giảng dạy nói chung và ngoại ngữ nói riêng, giúp GV có thể giảng bài trên lớp/ trực tuyến và thu thập ý kiến từ học sinh. Giao diện “đẹp mắt”, dễ sử dụng và phù hợp cho mọi độ tuổi, nhất là đối với các học sinh, sinh viên, giảng viên thường sử dụng nó để tương tác trong và sau giờ học.

Padlet cung cấp 8 loại định dạng để người sử dụng có thể lựa chọn bố cục nội dung khác nhau:



- Định dạng Bức Tường thường được sử dụng như một bản tin chia sẻ tài liệu đa phương tiện, nêu vấn đề tranh luận, thu thập ý tưởng, v.v;
- Định dạng Lưới và dạng Kệ tủ cũng có thể sử dụng cho các mục đích trên nhưng nó còn cho phép các nội dung được sắp xếp và phân chia theo hàng theo cột. Nên nó phù hợp với mục đích chia nhóm, phân chia nội dung học, v.v;
- Định dạng Khung Nền Canvas thường được sử dụng với mục đích lập Mindmap-bản đồ tư duy, tạo các hệ thống sơ đồ, v.v;
- Định dạng Timeline thì phù hợp tạo các bản tin theo dòng thời gian, mô tả quá trình phát triển của động thực vật, v.v;
- Định dạng Map phù hợp với việc lập lịch trình, tìm hiểu các vị trí địa lí, v.v;
- Định dạng Backchannel phù hợp tạo bản tin hội thoại tư vấn hỏi đáp, v.v;
- Định dạng Dòng Ngang chỉ sắp xếp thông tin theo chiều từ trên xuống, v.v.

Người sử dụng có thể tải hình ảnh, tệp văn bản, đường dẫn video hoặc âm thanh và viết trực tiếp trên nền tảng Padlet nhằm tăng tính tương tác trong lớp học và là công cụ lưu trữ sản phẩm học tập hiệu quả. Bên cạnh đó, Padlet còn hỗ trợ các thành viên tương tác thông qua hình thức bình luận, bày tỏ cảm xúc, ghi âm và ghi hình trực tiếp trên trang tương tác.



Sau khi hoàn thành các nội dung của buổi học, sản phẩm trên Padlet có thể lưu hoặc xuất bản dưới các dạng: lưu lại thành ảnh, lưu dưới dạng PDF, lưu dưới dạng CSV, lưu dạng bảng tính Excel và in ra.

6. Đánh giá về việc sử dụng nền tảng Padlet trong việc dạy và học ngoại ngữ (NN)

Việc ứng dụng CNTT vào dạy học ngoại ngữ ngày càng được chú trọng; song song với quá trình đó, các nhà giáo dục cũng cần nhiều thời gian nghiên cứu và học tập để có thể nâng cao năng lực CNTT và trở thành nhà sáng tạo công nghệ giáo dục. Trong danh mục các quy trình và ứng dụng của công nghệ tiên tiến, phân tích học tập, hệ thống giảng dạy thích hợp và việc học tập được cá nhân hóa đang được thử nghiệm và đánh giá theo quan điểm của người dạy và người học tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) về kiến thức và hiệu suất, sở thích, động lực, sở thích và tâm trạng khi được sử dụng công cụ đó trong quá trình học tập.

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát về quan điểm của giảng viên và sinh viên tại ĐHCNHN về việc ứng dụng công cụ Padlet trong việc giảng dạy ngoại ngữ. Việc khảo sát được thực hiện với 800 sinh viên của 8 ngành khác nhau thuộc khối tiếng Anh không chuyên và 45 GV giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành của 8 khối ngành này tại ĐHCNHN. Nhóm nghiên cứu đã dùng bảng câu hỏi khảo sát đối với người học và người dạy làm công cụ nghiên cứu và bảng câu hỏi khảo sát được thử nghiệm trước khi triển khai chính thức. Các dữ liệu thu được từ bảng câu hỏi khảo sát đã được tổng hợp, tính

toán và sắp xếp ở dạng bảng để dễ dàng phân tích và đánh giá. Kết quả khảo sát được tóm tắt và phân tích trong phần nội dung tiếp theo.

6.1. Quan điểm của người học về việc sử dụng công cụ Padlet trong việc học NN

a) Tính hiệu quả của những hoạt động học tập ngoại ngữ NN trên công cụ Padlet

Theo kết quả khảo sát của phía người học, hoạt động học tập trên công cụ Padlet được đánh giá hiệu quả nhất là *thực hiện bài nói và ghi âm* với 578 sinh viên lựa chọn (chiếm 72,3%) cho rằng đây là hoạt động học rất hiệu quả và 190 sinh viên (chiếm hơn 23%) lựa chọn đây là hoạt động hiệu quả. Tiếp theo là hoạt động *thực hiện hội thoại và ghi âm hội thoại* với hơn 60% số sinh viên lựa chọn đây là hoạt động rất hiệu quả và hơn 30% lựa chọn là hiệu quả. Hoạt động có tính hiệu quả cao theo đánh giá của người học là hoạt động *chia sẻ quan điểm* và *viết câu/ đoạn văn/ bài luận* với khoảng 50% số sinh viên tham gia khảo sát lựa chọn rất hiệu quả, chỉ có hơn 5% số sinh viên lựa chọn hoạt động *chia sẻ quan điểm* trên công cụ Padlet là hiệu quả thấp và hơn 18% lựa chọn hoạt động *viết câu/ đoạn văn/ bài luận* là có hiệu quả bình thường. Trong khi đó, không có sinh viên nào lựa chọn là hiệu quả thấp và không hiệu quả với 4 hoạt động trên khi các hoạt động này được thực hiện trên công cụ Padlet.

Tính hiệu quả của việc triển khai các hoạt động học ngoại ngữ trên công cụ Padlet cũng được thể hiện ở các hoạt động tiếp theo là *đọc và thực hiện các hoạt động đọc hiểu, nghe và thực hiện các hoạt động nghe hiểu*, với khoảng 80% sinh viên lựa chọn là rất hiệu quả và hiệu quả, hơn 15% sinh viên lựa chọn là hiệu quả bình thường và chỉ có khoảng 3% lựa chọn đây là hoạt động đạt hiệu quả thấp. Hoạt động *viết đánh giá phản hồi và nhận xét* được 21% sinh viên lựa chọn có hiệu quả cao và 47,85% lựa chọn hiệu quả, 26,25% sinh viên đánh giá là hiệu quả bình thường với hoạt động này trên công cụ Padlet. Với hoạt động *luyện phát âm*, 79/800 em lựa chọn có hiệu quả tốt và 520 em lựa chọn có hiệu quả và khoảng 194 sinh viên còn lại đánh giá hiệu quả bình thường.

Như vậy có thể thấy, các hoạt động học ngoại ngữ được thực hiện trên công cụ Padlet rất đa dạng và hầu hết có tính hiệu quả và hiệu quả cao, và không có hoạt động nào được cho là không có hiệu quả theo quan điểm của người học.

Bảng 1. Tính hiệu quả của những hoạt động học tập NN trên công cụ Padlet

Những hoạt động học tập NN trên ứng dụng padlet	Trung bình	Tổng điểm	Tổng	Không hiệu quả (0 điểm)		Hiệu quả thấp (1 điểm)		Bình Thường (2 điểm)		Hiệu quả (3 điểm)		Rất hiệu quả (4 điểm)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Thực hiện bài nói và ghi âm	3.7	2946	800	0	0.00%	0	0.00%	32	4.00%	190	23.75%	578	72.25%
Thực hiện hội thoại và ghi âm	3.5	2826	800	0	0.00%	0	0.00%	62	7.75%	250	31.25%	488	61.00%
Chia sẻ quan điểm (tạo thiệp, tạo bài giới thiệu...)	3.4	2735	800	0	0.00%	0	0.00%	45	5.63%	375	46.88%	380	47.50%
Viết câu/ đoạn văn/ bài luận	3.4	2690	800	0	0.00%	0	0.00%	150	18.75%	210	26.25%	440	55.00%
Nghe và thực hiện các tác vụ nghe hiểu	3.0	2383	800	0	0.00%	21	2.63%	132	16.50%	490	61.25%	157	19.63%
Đọc và thực hiện các tác vụ đọc hiểu	3.0	2381	800	0	0.00%	19	2.38%	121	15.13%	520	65.00%	140	17.50%
Viết đánh giá/ nhận xét phản hồi	2.9	2294	800	0	0.00%	32	4.00%	210	26.25%	390	48.75%	168	21.00%
Luyện phát âm	2.8	2271	800	0	0.00%	7	0.88%	194	24.25%	520	65.00%	79	9.88%

b) Vai trò của việc sử dụng Padlet trong quá trình học tập NN

Kết quả khảo sát thể hiện vai trò của việc sử dụng công cụ Padlet trong quá trình học ngoại ngữ của sinh viên không chuyên ĐHCNHN được tóm tắt ở bảng 2 như sau:

- Về khả năng tiếp cận công cụ Padlet: 424/800 (chiếm 53%) sinh viên tham gia khảo sát lựa chọn việc *dễ dàng tiếp cận công cụ* này đóng vai trò rất quan trọng và 290 (chiếm 36,25%) lựa chọn là có vai trò quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ, chỉ có hơn 10% số sinh viên cho rằng khả năng này có vai trò bình thường và ít quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ. Kết quả tương đối đồng nhất

với khảo sát về tính *thuận tiện tiếp cận công cụ vào bất cứ thời điểm nào* với gần 90% sinh viên lựa chọn vai trò này rất quan trọng và quan trọng và 10% còn lại lựa chọn là có vai trò bình thường và ít quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ.

- Về thái độ/ tâm lý người học: Công cụ Padlet có vai trò quan trọng trong việc *tăng tính chủ động thể hiện năng lực ngôn ngữ của người sử dụng công cụ và tăng tính tự tin và tự tôn của người học*. Kết quả khảo sát người học chỉ ra rằng 90% số sinh viên tham gia chọn công cụ này có vai trò rất quan trọng và quan trọng trong việc *tăng tính chủ động thể hiện năng lực ngôn ngữ của người sử dụng công cụ*, và 10% số sinh viên còn lại lựa chọn là có vai trò bình thường và ít quan trọng. Tâm quan trọng của công cụ này còn thể hiện trong việc *tăng tính tự tin và tự tôn của người học*, với kết quả hơn 38% (306 sinh viên) và 42% (341 sinh viên) lần đánh là rất quan trọng và quan trọng, 20% số sinh viên còn lại lựa chọn mức độ quan trọng là bình thường và ít quan trọng.

- Về mức độ tương tác: Hơn 94% (684 sinh viên) lựa chọn đánh giá công cụ Padlet rất quan trọng và quan trọng với việc *đa dạng hóa hình thức học tập ngoại ngữ theo cá nhân, theo cặp hay theo nhóm*. 6% còn lại lựa chọn là quan trọng bình thường và ít quan trọng. Kết quả khảo sát với người học còn chỉ ra rằng công cụ Padlet có vai trò lớn trong việc giúp *chủ động đưa ra các nhận xét/ phản hồi của GV và bạn học* trong quá trình học ngoại ngữ với 347 sinh viên lựa chọn là rất quan trọng và 312 lựa chọn là quan trọng. Không những thế công cụ này có vai trò đặc biệt trong việc giúp người học *để dàng tiếp cận nhận xét/ phản hồi của GV và bạn học* với hơn 73% lựa chọn là rất quan trọng với quá trình học tập ngoại ngữ của họ.

Bảng 2. Vai trò của việc sử dụng Padlet trong quá trình học tập NN

Vai trò của việc sử dụng padlet trong quá trình học tập NN	Trung bình	Tổng điểm	Tổng	Không quan trọng (0 điểm)		Ít quan trọng (1 điểm)		Bình Thường (2 điểm)		Quan trọng (3 điểm)		Rất quan trọng (4 điểm)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Để dàng tiếp cận công cụ	3.4	2703	800	0	0.00%	35	4.38%	51	6.38%	290	36.25%	424	53.00%
Chủ động thể hiện năng lực ngôn ngữ của người sử dụng	3.3	2603	800	2	0.25%	21	2.63%	64	8.00%	398	49.75%	315	39.38%
Chủ động đưa ra nhận xét/ phản hồi của GV và bạn học	3.2	2564	800	0	0.00%	42	5.25%	99	12.38%	312	39.00%	347	43.38%
Sử dụng hình thức học tập đa dạng (cá nhân, cặp, nhóm)	3.2	2534	800	0	0.00%	19	2.38%	97	12.13%	415	51.88%	269	33.63%
Thuận tiện tiếp cận công cụ vào bất cứ thời điểm nào	3.1	2508	800	0	0.00%	9	1.13%	89	11.13%	487	60.88%	215	26.88%
Tăng tính tự tin và tự tôn của người học	3.1	2502	800	0	0.00%	51	6.38%	102	12.75%	341	42.63%	306	38.25%
Để dàng tiếp nhận nhận xét/ phản hồi của GV và bạn học	2.9	2297	800	0	0.00%	59	7.38%	157	19.63%	412	51.50%	172	21.50%

c) Hạn chế khi sử dụng công cụ Padlet để học tập ngoại ngữ

Bảng 3 tóm tắt kết quả khảo sát mức độ ảnh hưởng của một số hạn chế khi sử dụng công cụ Padlet trong việc học ngoại ngữ. Hai trở ngại đầu tiên có hơn 12% và 10% sinh viên tham gia lựa chọn là *định dạng nội dung đăng tải* và *kích thước/ định lượng nội dung đăng tải* và cho rằng đây là yếu tố luôn bị ảnh hưởng và thường xuyên bị ảnh hưởng, gần 60% số sinh viên lựa chọn hai yếu tố này hiếm khi và thi thoảng bị ảnh hưởng trong quá trình học ngoại ngữ. Yếu tố *đường truyền mạng* cũng được khoảng 9% số sinh viên tham gia khảo sát lựa chọn là luôn bị ảnh hưởng và thường xuyên bị ảnh hưởng khi học ngoại ngữ, và 48% lựa chọn là thi thoảng và hiếm khi ảnh hưởng. Một số hạn chế được khảo sát về hạn chế khi sử dụng công cụ phía người học có thể kể đến là *sự thân thiện của ứng dụng, khả năng sử dụng công nghệ thông tin của người sử dụng và điều kiện để được sử dụng ứng dụng*. Số sinh viên chọn mức độ ảnh hưởng nhiều ở khoảng 2-4% số sinh viên tham gia khảo sát, và khoảng hơn 1/3 lựa chọn là ít khi ảnh hưởng và thi thoảng mới bị ảnh hưởng bởi 3 yếu tố trên. Số còn lại chọn lựa là không bị ảnh hưởng trong quá trình học ngoại ngữ của mình.

Bảng 3. Hạn chế khi sử dụng công cụ Padlet trong việc học NN

Hạn chế khi sử dụng công cụ Padlet trong quá trình học NN	Trung bình	Tổng điểm	Tổng	Không ảnh hưởng (5 điểm)		Hiếm khi ảnh hưởng (4 điểm)		Thỉnh thoảng ảnh hưởng (3 điểm)		Thường xuyên ảnh hưởng (2 điểm)		Luôn luôn ảnh hưởng (1 điểm)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Điều kiện để được sử dụng ứng dụng (địa chỉ thư điện tử để đăng kí tài khoản...)	4.5	3624	800	532	66.50%	199	24.88%	41	5.13%	17	2.13%	11	1.38%
Khả năng sử dụng công nghệ thông tin của người sử dụng ứng dụng	4.5	3614	800	485	60.63%	267	33.38%	31	3.88%	11	1.38%	6	0.75%
Sự thân thiện của ứng dụng	4.4	3504	800	410	51.25%	321	40.13%	41	5.13%	19	2.38%	9	1.13%
Đường truyền Internet	4.1	3286	800	350	43.75%	297	37.13%	87	10.88%	21	2.63%	45	5.63%
Kích thước/ định lượng nội dung đăng tải	4.0	3236	800	298	37.25%	343	42.88%	82	10.25%	51	6.38%	26	3.25%
Định dạng nội dung đăng tải	3.7	2926	800	225	28.13%	211	26.38%	266	33.25%	61	7.63%	37	4.63%

Có thể thấy mức độ thân thiện với người sử dụng của công cụ Padlet với người học, đặc biệt trong quá trình học ngoại ngữ. Một số hạn chế kể ra ở đây chưa thực sự là yếu tố gây trở ngại quá lớn trong quá trình triển khai các hoạt động học tập của người học.

6.2. Quan điểm của người dạy về việc sử dụng công cụ Padlet trong việc giảng dạy NN

Người dạy học đóng vai trò quan trọng trong quá trình lập kế hoạch, phân tích, thiết kế, phát triển, điều chỉnh, áp dụng, đánh giá và quản lí các khóa học, các hệ thống học tập và môi trường học tập của mình.

Với công cụ Padlet áp dụng trong quá trình giảng dạy trực tuyến, các hoạt động được người dạy lựa chọn để giảng dạy có thể kể đến như luyện phát âm, đọc hiểu, nghe hiểu và thực hiện các nhiệm vụ đọc/ nghe hiểu, dạy viết, dạy nói và lấy ý kiến chia sẻ quan điểm. Từ phía quan điểm của người dạy học, hoạt động dạy kĩ năng nói trong đó có *dạy phát âm và dạy nói và phát triển các nhiệm vụ nói* được khoảng 90% GV lựa chọn sử dụng giảng dạy trên công cụ Padlet vì tính hiệu quả cao, chỉ có 10% cho rằng sử dụng công cụ này cho hiệu quả bình thường và hiệu quả thấp, và không có GV nào lựa chọn là không có hiệu quả với hoạt động giảng dạy nói và phát âm trên công cụ. Hoạt động giảng dạy được GV lựa chọn triển khai với công cụ Padlet là *lấy ý kiến người học* (như trình bày quan điểm, chia sẻ ý kiến, bày tỏ cảm ơn, v.v) với hơn 38/45 GV tham gia khảo sát lựa đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả với số lượng lần lượt là 23 và 15 GV.

Bảng 4. Những hoạt động giảng dạy NN trên công cụ Padlet

Những hoạt động giảng dạy NN trên ứng dụng padlet	Trung bình	Tổng điểm	Tổng	Không hiệu quả (0 điểm)		Hiệu quả thấp (1 điểm)		Bình Thường (2 điểm)		Hiệu quả (3 điểm)		Rất hiệu quả (4 điểm)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Dạy phát âm	3.5	156	45	0	0.00%	2	4.44%	3	6.67%	12	26.67%	28	62.22%
Dạy nói và triển khai các nhiệm vụ nói	3.4	154	45	0	0.00%	1	2.22%	2	4.44%	19	42.22%	23	51.11%
Lấy ý kiến (trình bày quan điểm, chia sẻ, cảm ơn...)	3.3	148	45	0	0.00%	3	6.67%	4	8.89%	15	33.33%	23	51.11%
Dạy đọc và triển khai các nhiệm vụ đọc hiểu	3.3	148	45	0	0.00%	2	4.44%	3	6.67%	20	44.44%	20	44.44%
Dạy nghe và triển khai các nhiệm vụ nghe hiểu	3.1	139	45	0	0.00%	4	8.89%	4	8.89%	21	46.67%	16	35.56%
Dạy viết câu/đoạn văn/bài luận	3.1	138	45	1	2.22%	3	6.67%	4	8.89%	21	46.67%	16	35.56%

a) Vai trò của việc sử dụng Padlet trong quá trình học tập NN

Bảng 5 thể hiện quan điểm của giảng viên tham gia khảo sát đánh giá ưu điểm của việc sử dụng công cụ Padlet trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ tại trường.

Trên 80% giảng viên tham gia khảo sát đánh giá việc sử dụng Padlet trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ rất quan trọng và quan trọng trong về tính *đa dạng hình thức học tập của sinh viên* (86,66%), khả năng *lưu lại được quá trình học tập và kết quả học* (91,11%), *dễ dàng thiết kế và thân thiện với người sử dụng* (88,89%) và *thuận tiện tiếp cận công cụ vào bất cứ thời điểm nào* (84,44%); bên cạnh đó khoảng dưới 15% người tham gia đánh giá các ưu điểm của việc sử dụng công cụ này có

vai trò bình thường hay ít quan trọng hoặc không quan trọng trong việc dạy ngoại ngữ. Những ưu điểm tiếp theo được đánh giá cao và khá cao về tầm quan trọng (quan trọng và rất quan trọng) bao gồm *Chủ động đưa ra nhận xét/ phản hồi của GV*, *Tăng tính tự tin và tự tôn của người học*, và *bạn học*, *Dễ dàng tiếp nhận nhận xét/ phản hồi của GV và bạn học* với các tỉ lệ tương ứng là 80%, 75,55% và 62,22%.

Bảng 5. Vai trò của việc sử dụng công cụ Padlet trong quá trình học tập NN

Ưu điểm của việc sử dụng padlet trong quá trình dạy học NN	Trung bình	Tổng điểm	Tổng	Không quan trọng (0 điểm)		Ít quan trọng (1 điểm)		Bình Thường (2 điểm)		Quan trọng (3 điểm)		Rất quan trọng (4 điểm)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đa dạng hình thức học tập của sinh viên (cá nhân, cặp, nhóm)	3.4	153	45	0	0.00%	0	0.00%	6	13.33%	15	33.33%	24	53.33%
Lưu lại được quá trình học và kết quả học	3.4	152	45	0	0.00%	0	0.00%	4	8.89%	20	44.44%	21	46.67%
Dễ dàng thiết kế và thân thiện với người sử dụng	3.3	148	45	0	0.00%	1	2.22%	4	8.89%	21	46.67%	19	42.22%
Thuận tiện tiếp cận công cụ vào bất cứ thời điểm nào	3.1	141	45	0	0.00%	2	4.44%	5	11.11%	23	51.11%	15	33.33%
Tăng tính tự tin và tự tôn của người dạy và người học	3.1	140	45	2	4.44%	3	6.67%	6	13.33%	11	24.44%	23	51.11%
Dễ dàng tiếp nhận nhận xét/ phản hồi cho người học	3.1	140	45	1	2.22%	3	6.67%	5	11.11%	17	37.78%	19	42.22%
Chủ động đưa ra nhận xét/ phản hồi cho người học	2.8	125	45	3	6.67%	6	13.33%	8	17.78%	9	20.00%	19	42.22%

Kết quả phân tích cho thấy phần lớn GV tham gia khảo sát áp dụng đa dạng các hoạt động giảng dạy trên công cụ Padlet và đánh giá cao những ưu điểm của việc sử dụng công cụ này trong quá trình giảng dạy của họ.

b) Một số hạn chế khi sử dụng công cụ Padlet trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ

Bảng 6 thể hiện quan điểm của người dạy về một số hạn chế khi sử dụng công cụ Padlet trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ. Trong đó, khoảng 15% GV được khảo sát cho rằng *khả năng sử dụng công nghệ thông tin của người sử dụng ứng dụng* có ảnh hưởng nhất, hơn 13% cho rằng ít ảnh hưởng và khoảng 33% cho rằng hiếm khi ảnh hưởng tới việc giảng dạy ngoại ngữ có sử dụng công cụ Padlet. Đối với GV thì yếu tố *điều kiện để được sử dụng ứng dụng (như địa chỉ thư điện tử để sử dụng tài khoản)* chỉ có gần 9% số GV lựa chọn là có ảnh hưởng nhiều và luôn ảnh hưởng, phần lớn GV lựa chọn là không ảnh hưởng và hiếm khi ảnh hưởng đến việc dạy học ngoại ngữ trên công cụ Padlet. 2 yếu tố tiếp theo là *kích thước/ định lượng nội dung đăng tải* và *đường truyền internet* chỉ có 3 GV tham gia lựa chọn là bị ảnh hưởng nhiều trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ, với các GV khác đây cũng không phải là 2 yếu tố gây cản trở quá nhiều. Yếu tố về *định dạng nội dung đăng tải* có 3 GV tham gia khảo sát chọn ý thường xuyên bị ảnh hưởng còn lại phần đa lựa chọn hiếm khi và không bị ảnh hưởng. *Sự thân thiện của ứng dụng* không được coi là cản trở lớn vì có đến 89% GV lựa chọn là hiếm khi và không bị ảnh hưởng trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ.

Bảng 6. Hạn chế của việc sử dụng công cụ Padlet trong quá trình giảng dạy

NN

Hạn chế của việc sử dụng padlet trong quá trình dạy học NN	Trung bình	Tổng điểm	Tổng	Không ảnh hưởng (5 điểm)		Hiếm khi ảnh hưởng (4 điểm)		Thỉnh thoảng ảnh hưởng (3 điểm)		Thường xuyên ảnh hưởng (2 điểm)		Luôn luôn ảnh hưởng (1 điểm)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Sự thân thiện của ứng dụng	4.4	200	45	25	55.56%	15	33.33%	5	11.11%	0	0.00%	0	0.00%
Định dạng nội dung đăng tải	4.3	192	45	22	48.89%	16	35.56%	4	8.89%	3	6.67%	0	0.00%
Đường truyền Internet	4.2	191	45	21	46.67%	18	40.00%	3	6.67%	2	4.44%	1	2.22%
Kích thước/ định lượng nội dung đăng tải	4.2	187	45	19	42.22%	18	40.00%	5	11.11%	2	4.44%	1	2.22%
Điều kiện để được sử dụng ứng dụng (địa chỉ thư điện tử để đăng kí tài khoản...)	4.1	184	45	18	40.00%	19	42.22%	4	8.89%	2	4.44%	2	4.44%
Khả năng sử dụng công nghệ thông tin của người sử dụng ứng dụng	3.9	175	45	17	37.78%	15	33.33%	6	13.33%	5	11.11%	2	4.44%

Như vậy đối với GV giảng dạy ngoại ngữ, việc sử dụng công cụ Padlet về cơ bản không gặp quá nhiều khó khăn, mà ngược lại với sự thân thiện và dễ dàng sử dụng của công cụ giúp cho quá trình giảng dạy được sinh động, thú vị và có những tác động tương đối tích cực tới người học ngoại ngữ. Tại Khoa Ngoại ngữ - ĐHCNHN, xác định được mức độ quan trọng của việc ứng dụng CNTT, liên tục các hoạt động phát triển chuyên môn đã và đang được thực hiện tại đây với các giảng viên giảng dạy tiếng Anh theo phương pháp học kết hợp là tương đối hiệu quả. Nhóm tác giả đề xuất một số nội dung nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động sử dụng CNTT vào giảng dạy trong môi trường học kết hợp:

6. Đề xuất

Có thể thấy, CNTT đã đưa người học và GV đến gần nhau trong thời kì dịch bệnh, giúp cho việc học nói chung và học ngoại ngữ nói riêng không bị gián đoạn. Đây là hoạt động cần thiết và cấp bách trong giai đoạn này và do vậy việc ứng dụng các công cụ thân thiện, dễ sử dụng với cả người dạy và người học như Padlet giúp cho việc giảng dạy và học ngoại ngữ được dễ dàng hơn. Tại Khoa Ngoại ngữ - ĐHCNHN, xác định được mức độ quan trọng của CNTT, liên tục các khóa học về ứng dụng CNTT đã và đang được thực hiện nhằm hỗ trợ các giảng viên giảng dạy tiếng Anh theo phương pháp học kết hợp một cách hiệu quả. Nhóm tác giả đề xuất một số nội dung nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động này trong môi trường học trực tuyến:

- Về nâng cao năng lực CNTT: năng lực công nghệ là một trong những năng lực cơ bản mà mỗi GV cần được trang bị. Việc bồi dưỡng công nghệ và phương pháp, các ý đồ sư phạm được sử dụng trong các nội dung giảng dạy trực tuyến bao gồm giao tiếp trực tuyến, kiểm tra đánh giá trực tuyến, quản lí người học trực tuyến, sử dụng linh hoạt các đa phương tiện, v.v cần được chú trọng nhiều hơn thông qua các khóa tập huấn, bồi dưỡng và hội thảo chuyên sâu liên quan đến sử dụng công nghệ trong việc dạy học ngoại ngữ. Điều này giúp cho việc áp dụng công nghệ trong dạy học được hiệu quả hơn.

- Về nâng cao chất lượng nội dung bài dạy sử dụng trên từng công cụ trực tuyến: như đã nói ở trên, GV với ý đồ sư phạm cụ thể cho mỗi phạm vi kiến thức cần linh hoạt trong việc sử dụng công cụ giảng dạy trực tuyến hỗ trợ phù hợp. Để làm tốt điều này, bản thân mỗi GV cần khéo léo và tinh tế trong việc sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp, cũng như liên tục sinh hoạt chuyên môn với nhóm chuyên môn cùng giảng dạy. Hoạt động sinh hoạt chuyên môn sâu có thể triển khai chuyên sâu thông qua các hoạt động chia sẻ tài liệu, ý tưởng, sản phẩm ứng dụng trên mỗi công cụ giữa các GV để giúp giảm bớt gánh nặng phải liên tục soạn các bài giảng trên các công cụ mà có thể tái sử dụng hoặc phát triển kế thừa các sản phẩm sẵn có để phù hợp với đối tượng người học của mình. Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng các nguồn học liệu mở liên kết vào ứng dụng giảng dạy của mình nhằm giảm bớt gánh nặng trong quá trình giảng dạy trực tuyến. Đây chính là ưu điểm của việc ứng dụng các công cụ về CNTT trong quá trình giảng dạy.

- Về nâng cao cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất ở đây liên quan nhiều đến đường truyền mạng, đây là điều đôi khi GV gặp khó khăn trong thời kì cả xã hội học trực tuyến. Do đó việc nâng cấp cải thiện đường truyền là điều quan trọng và rất cần thiết trong quá trình giảng dạy trực tuyến.

7. Kết luận

Việc ứng dụng CNTT vào giáo dục nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng trên thế giới đã được chia thành ba giai đoạn, cụ thể: giai đoạn giới thiệu công nghệ vào lớp học (Introduction); giai đoạn tích hợp công nghệ vào lớp học (Integration); và giai đoạn vô hình hóa công nghệ trong lớp học (Invisibilisation). Để đánh giá về việc ứng dụng CNTT vào dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam so với các nước tiên tiến trên thế giới, chúng ta đang ở ngưỡng cuối của giai đoạn một (Introduction). Trong khi đó, việc ứng dụng CNTT đóng vai trò quan trọng trong giáo dục và như Spencer đã nhấn mạnh rằng “sẽ không có khía cạnh nào của giáo dục mà không ứng dụng CNTT” [11, 2016]. Như vậy, để đạt được hiệu quả cao trong dạy và học nói chung và học ngoại ngữ nói riêng, việc áp dụng CNTT cần được đầu tư phát triển để đạt được hiệu quả cao trong quá trình này. Tuy còn tồn tại một số hạn chế, việc ứng dụng CNTT có rất nhiều mặt tích cực góp phần thúc đẩy quá trình giảng dạy và học tập ngoại ngữ; chính vì vậy sẽ cần tới sự quan tâm cần thiết của các nhà quản lí, tinh thần sẵn sàng tiếp

nhận của người dạy và người học để có thể khắc phục những mặt hạn chế và phát huy tối đa mặt mạnh của việc ứng dụng CNTT vào quá trình dạy và học ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Covey, S. R. (2013), *The 7 habits of highly effective people: Powerful lessons in personal change*. Simon and Schuster.
2. Edward, Y. (June, 2007), *Setting the New Standard with Mobile Computing*
3. Feldman, R., & Zucker, D. (2002), *Teaching and Learning Online - Communication, Community, and Assessment*. University of Massachusetts.
4. Huang, R., Spector, J. M., & Yang, J. (2019), *Educational technology: a primer for the 21st century*. Springer.
5. Januszewski, A., & Molenda, M. (2008), Chapter 1: Definition. *Educational technology: A definition with commentary*. New York: Lawrence Erlbaum Associates.
6. Kaplan, A. M., & Haenlein, M. (2016), "Higher education and the digital revolution: about moocs, spocs, social media, and the cookie monster". *Business Horizons*, 59(4), pp.441-450.
7. Lewin, K. (2013), *Principles of topological psychology*. Read Books Ltd.
8. Long, N. V. (2016), "Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tại Việt Nam". *VNU Journal of Science: Education Research*, 32(2).
9. Siemens, G. (2010), "What are learning analytics". *Nordic Journal of Digital Literacy*.
10. Spector, J. M., Merrill, M. D., Elen, J., & Bishop, M. J. (2014), *Handbook of research on educational communications and technology* (4th ed.). New York: Springer.
11. Spector, J. M., Ifenthaler, D., Sampson, D., Yang, J. L., Mukama, E., Warusavitarana, A., ... & Gibson, D. C. (2016), *Technology enhanced formative assessment for 21st century learning*.

Assessing the effectiveness of using Padlet tool in online foreign language teaching

Abstract: Information technology (IT) is considered an important tool of education, technology not only has diverse information resources, but also helps to improve human capacity and expand the supportive social environment which will support learning activities. The application of IT is especially important in the process of online foreign-language-teaching, helping to make the class time more vivid with images and sounds, helping teachers and learners to interact positively with each other though in geographically distant locations. Among many online language teaching support tools, Padlet is considered to be a tool with many preeminent and user-friendly features, and is now widely used by many teachers. The article focuses on evaluating the effectiveness of using the Padlet tool in teaching English online for non-specialized students at a Hanoi public university and makes some suggestions to improve effective application of IT in foreign language teaching.

Key words: Information technology; application of Information technology; Padlet tool; effectiveness.